

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐIỀU LỆ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**  
**CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ HẢI HÀ**

*Hà Nội, tháng 03/2007*



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐIỀU LỆ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ HẢI HÀ**

Căn cứ Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật doanh nghiệp.

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Điều lệ này quy định việc thành lập, tổ chức, quản lý và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển khu kinh tế Hải Hà (sau đây được gọi tắt là Công ty).

**Điều 2. Tư cách pháp nhân của Công ty**

1. Công ty có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Công ty có quyền tự chủ trong kinh doanh và chịu sự ràng buộc chặt chẽ về quyền, nghĩa vụ đối với các cổ đông.

**Điều 3. Tên, địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện.**

**1. Tên Công ty:**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ HẢI HÀ**

Tên công ty viết bằng tiếng Anh: **HAIHA ZONE ECONOMIC DEVELOP INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY**

Tên công ty viết tắt: **HAIHA ZONE., JSC**

**2. Địa chỉ trụ sở chính:** Thị trấn Hà Cối, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh. Điện thoại: 033 847 043; Fax: 033 844 498.

Trường hợp cần mở rộng phạm vi, địa bàn hoạt động, Công ty sẽ đăng ký với cơ quan có thẩm quyền để thành lập công ty con, văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại các địa phương khác trên lãnh thổ Việt Nam hoặc nước ngoài theo quy định của pháp luật.

**Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh**

*Handwritten signature*

*Handwritten signature*

*Handwritten signature*

*Handwritten signature*



1. Mục tiêu hoạt động: Phát triển Công ty theo hướng kinh doanh đa ngành, đa sở hữu, tăng cường năng lực sản xuất kinh doanh và khả năng cạnh tranh của Công ty; đảm bảo hoạt động kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu đầu tư tại Công ty.

2. Ngành, nghề kinh doanh:

Lập dự án xây dựng và phát triển nhà, khu đô thị mới, văn phòng cho thuê, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới;

Tư vấn, thiết kế, giám sát, thẩm định và xây dựng các công trình, hạng mục công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và các công trình kỹ thuật khác;

Chuẩn bị mặt bằng: dọn dẹp tạo mặt bằng xây dựng; san lấp mặt bằng, làm đường giao thông nội bộ; công trình cấp thoát nước; thu dọn công trường, vệ sinh mặt bằng xây dựng, xử lý chất thải; Xây dựng công trình điện, trạm điện áp;

Xây dựng các công trình đóng tàu, công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, san lấp mặt bằng, nạo vét luồng, xây dựng hạ tầng các nhà máy, trang trí nội ngoại thất;

Kinh doanh bất động sản, khu đô thị và nhà ở, hạ tầng khu công nghiệp, khách sạn, nhà hàng, nhà cho thuê, văn phòng cho thuê; Đầu tư, kinh doanh, khai thác nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ;

Đầu tư, khai thác cầu phà, đường giao thông thủy, bộ;

Đầu tư, khai thác nhà máy nhiệt điện, thủy điện; khu công nghiệp và khu đô thị; đầu tư phát triển nhà; đầu tư khai thác, mua bán, sản xuất chế biến, cung cấp sản phẩm gỗ phục vụ đóng và sửa chữa tàu thủy (trừ các loại gỗ nhà nước cấm), phục vụ xây dựng công nghiệp dân dụng;

Đầu tư phát triển du lịch; dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa; dịch vụ khách sạn, ăn uống, giải khát, nghỉ dưỡng, thể thao, giải trí, sân golf, hội nghị, biểu diễn nghệ thuật (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar; trừ các chương trình Nhà nước cấm);

Gia công lắp ráp kết cấu thép và các thiết bị cơ điện kỹ thuật công trình; sản xuất thiết bị cơ khí, điện, điện tử, điện lạnh phục vụ các ngành công nghiệp và nhu cầu thị trường;

Ủy thác mua bán hàng hoá; đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá;

Hoạt động kho bãi, xếp dỡ hàng hoá; dịch vụ làm thủ tục hải quan;

Đại lý vận tải hàng hoá đường biển, đường không, đường sắt, đường bộ; đại lý vận tải đa phương thức; vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách; đầu tư, mua bán, cho thuê tàu thủy và các phương tiện nổi;

Đại lý kinh doanh xăng dầu, gas, khí công nghiệp; sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và dụng cụ y tế;



Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và cấu kiện bê tông đúc sẵn; sản xuất, mua bán sản phẩm nội, ngoại thất tiêu dùng; sản xuất, kinh doanh các sản phẩm kim loại và kết cấu thép cho các ngành xây dựng dân dụng, công nghiệp; sản xuất thùng, bể chứa kim loại, nồi hơi;

Sản xuất kinh doanh thiết bị điện: Dây điện, cáp điện, thiết bị chiếu sáng và thiết bị điện tử phục vụ dân dụng, công nghiệp và đóng tàu;

3. Thời hạn hoạt động của Công ty là 30 năm. Sau thời hạn này, Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định việc chấm dứt hoặc gia hạn hoạt động của Công ty.

Trình tự chấm dứt hoặc gia hạn hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 5. Vốn điều lệ, cách thức tăng và giảm vốn điều lệ**

Vốn điều lệ của Công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần.

1. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập là **300.000.000 USD** (Ba trăm triệu đô la Mỹ).

2. Trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ. Việc tăng và giảm vốn điều lệ phải đảm bảo sự hoạt động bình thường của Công ty và do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở vốn còn lại của Công ty.

#### **Điều 6. Danh sách cổ đông sáng lập và cơ cấu vốn**

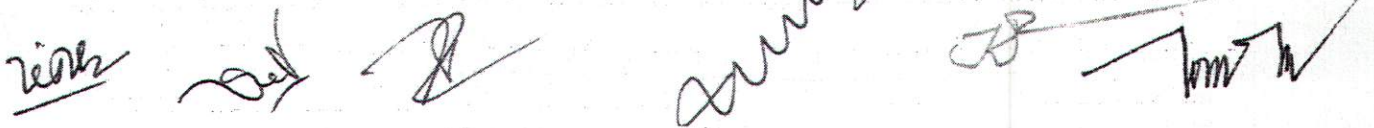
1. **Cổ đông pháp nhân sáng lập viên thứ nhất: Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (Vinashin)** có trụ sở tại: Số 109 - Phố Quán Thánh - Phường Quán Thánh - Quận Ba Đình - Thành phố Hà Nội, góp **45.000.000 USD** (Bốn mươi năm triệu đô la Mỹ), chiếm 15% tổng vốn điều lệ

2. **Cổ đông pháp nhân sáng lập viên thứ hai: Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin)** có trụ sở tại: Số 226 - Phố Lê Duẩn - Phường Trung Phụng - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội, góp **30.000.000 USD** (Ba mươi triệu đô la Mỹ), chiếm 10% tổng vốn điều lệ

3. **Cổ đông pháp nhân sáng lập viên thứ ba: Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)** có trụ sở tại: Số 191 - Phố Bà Triệu - Phường Lê Đại Hành - Quận Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội, góp **21.000.000 USD** (Hai mươi một triệu đô la Mỹ), chiếm 7% tổng vốn điều lệ

4. **Cổ đông pháp nhân sáng lập viên thứ tư: Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PetroVietnam)** có trụ sở tại: Số 22 - Phố Ngô Quyền - Quận Hoàn Kiếm - Thành phố Hà Nội, góp **21.000.000 USD** (Hai mươi một triệu đô la Mỹ), chiếm 7% tổng vốn điều lệ

5. **Cổ đông pháp nhân sáng lập viên thứ năm: Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam (VNPT)** có trụ sở tại: Tầng 10, tòa nhà OCEAN PARK





- Số 1 - Phố Đào Duy Anh - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội, góp **21.000.000 USD** (Hai mươi một triệu đô la Mỹ), chiếm 7% tổng vốn điều lệ

**6. Cổ đông pháp nhân sáng lập viên thứ sáu: Tổng công ty Sông Đà** có trụ sở tại: G10 - Phường Thanh Xuân Nam - Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội, góp **21.000.000 USD** (Hai mươi một triệu đô la Mỹ), chiếm 7% tổng vốn điều lệ

**7. Cổ đông pháp nhân sáng lập viên thứ bảy: Công ty Đầu tư phát triển sản xuất Hạ Long** có trụ sở tại: Khu đô thị mới Hùng Thắng - Phường Bãi Cháy - Thành phố Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh, góp **21.000.000 USD** (Hai mươi một triệu đô la Mỹ), chiếm 7% tổng vốn điều lệ

**8. Quỹ đầu tư Hải Hà** (do các cổ đông trên góp vốn thành lập), góp **60.000.000 USD** (Sáu mươi triệu đô la Mỹ), chiếm 20% tổng vốn điều lệ.

**9. Các cổ đông thể nhân khác**, góp **60.000.000 USD** (Sáu mươi triệu đô la Mỹ), chiếm 20% tổng vốn điều lệ.

**Điều 7. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức đoàn thể trong Công ty**

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty được tổ chức và hoạt động theo quy định của Hiến pháp và Điều lệ Đảng.

Các tổ chức đoàn thể khác hoạt động theo quy định của pháp luật Nhà nước.

Công ty có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể khác hoạt động theo quy định của pháp luật.

## **Chương II** **CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU** **VÀ QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG**

### **MỤC I** **CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU**

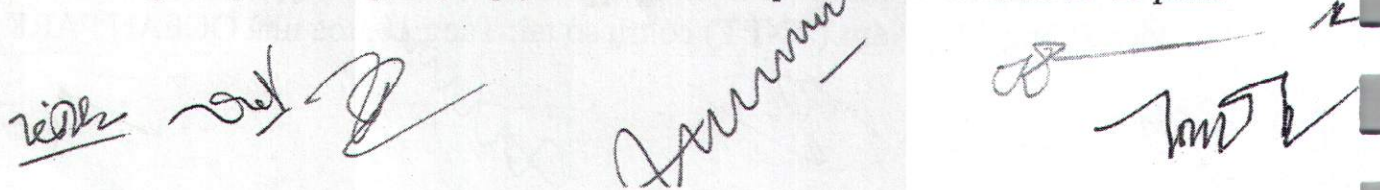
#### **Điều 8. Các loại cổ phần**

1. Tại thời điểm thành lập, Công ty phát hành một loại cổ phần là cổ phần phổ thông; người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.

2. Trường hợp cần thiết, Công ty sẽ phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác. Việc phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và người được quyền mua các loại cổ phần ưu đãi này do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

#### **Điều 9. Cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập**

1. Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau đăng ký mua ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán và phải thanh toán đủ số cổ phần





đã đăng ký theo quy định của Hội đồng quản trị Công ty phù hợp với tiến độ xây dựng dự án phát triển khu Kinh tế Hải Hà.

2. Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty phải thông báo việc góp vốn cổ phần đến cơ quan đăng ký kinh doanh. Nội dung thông báo theo quy định của Khoản 2 Điều 84 Luật doanh nghiệp.

3. Trường hợp có cổ đông sáng lập không thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua thì số cổ phần chưa góp đủ đó của cổ đông sáng lập được xử lý theo quy định tại Khoản 3 Điều 84 Luật doanh nghiệp.

4. Trường hợp các cổ đông sáng lập không đăng ký mua hết số cổ phần được quyền chào bán thì số cổ phần còn lại phải được chào bán và bán hết trong thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

5. Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty.

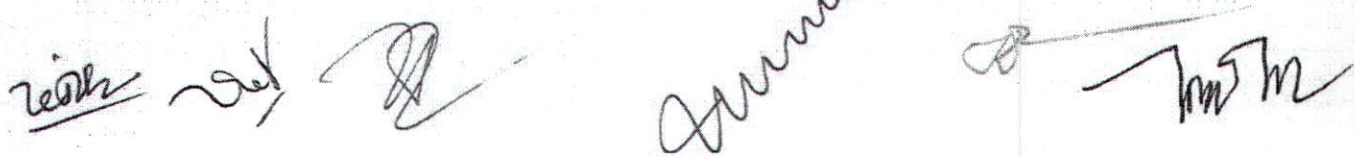
Sau thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

#### **Điều 10. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần**

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

- a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
- b) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
- c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
- d) Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Đại hội đồng cổ đông Công ty quy định.

2. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ





tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 87 Luật doanh nghiệp.

3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại Điều 16 của Điều lệ này được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

4. Sau khi cổ phần được bán, Công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại Điều 16 của Điều lệ này được ghi vào sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.

5. Các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 81 và Khoản 5 Điều 84 của Luật doanh nghiệp. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện uỷ quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông.

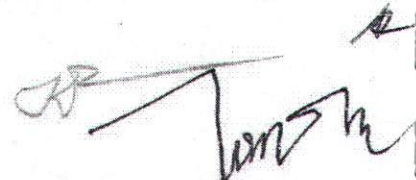
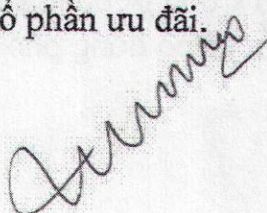
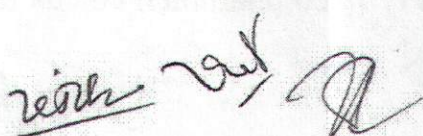
Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị huỷ bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

6. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

### **Điều 11. Cổ phiếu**

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu có thể ghi tên hoặc không ghi tên. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b) Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- c) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
- d) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
- đ) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu có ghi tên;
- e) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
- g) Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;
- h) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
- i) Các nội dung khác theo quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.





2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Công ty.

3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.

Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:

a) Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu huỷ;

b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác và sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới.

## **Điều 12. Phát hành trái phiếu**

1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty không được quyền phát hành trái phiếu trong các trường hợp sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:

a) Không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba năm liên tiếp trước đó;

b) Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của ba năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu định phát hành.

Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi các quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

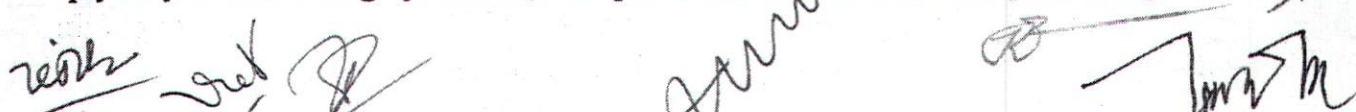
3. Các loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

## **Điều 13. Mua cổ phần, trái phiếu**

Cổ phần, trái phiếu của Công ty có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác theo quy định của pháp luật và phải được thanh toán đủ một lần.

## **Điều 14. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông**

1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn





bán, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

#### **Điều 15. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty**

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

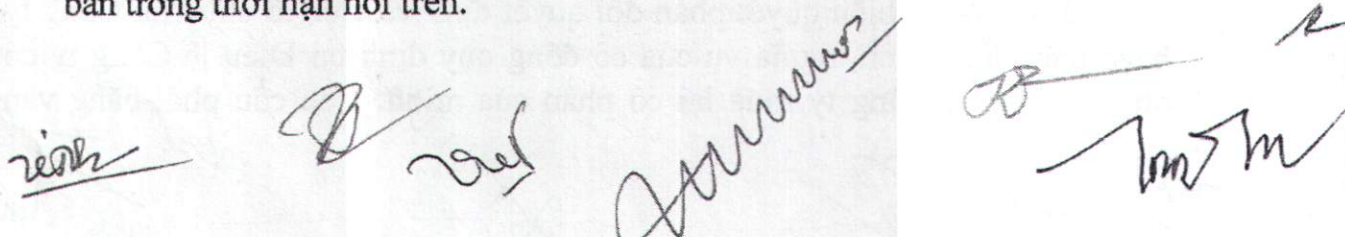
1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ Công ty không quy định hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thoả thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua.

Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.





## MỤC II QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

### **Điều 16. Sổ đăng ký cổ đông**

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc sổ đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;

đ) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.

4. Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.

### **Điều 17. Quyền của cổ đông phổ thông**

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 7 của Điều lệ này;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty;

h) Các quyền khác theo quy định pháp luật.



2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có các quyền sau đây:

a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;  
b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này;

d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

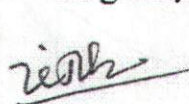
c) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

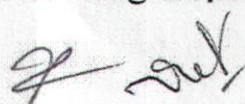
Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

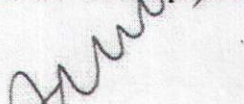
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

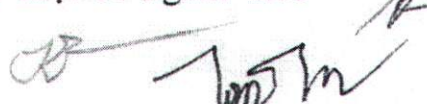
a) Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thoả mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quyền đề cử một hoặc một số người theo











quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

5. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung theo quy định của Khoản 3 Điều 96 Luật doanh nghiệp.

#### **Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông**

1. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.

2. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ Công ty.

3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

5. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

#### **Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông ưu đãi**

1. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết có các quyền sau đây:

a) Biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông theo số phiếu biểu quyết quy định tại Điều lệ này;

b) Các quyền khác như cổ đông phổ thông.

Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được chuyển nhượng số cổ phần ưu đãi biểu quyết đó cho người khác.

*(Handwritten signatures and initials at the bottom of the page)*



2. Cổ đông sở hữu các loại cổ phần ưu đãi khác có nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

### **Chương III**

#### **CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY**

**Điều 20.** Công ty cổ phần Đầu tư phát triển khu kinh tế Hải Hà là đơn vị liên kết giữa Vinashin, Vinacomin, BIDV, Petro Viet Nam, VNPT, Tổng công ty Sông Đà, BIM, và các cổ đông khác có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

#### **MỤC I**

#### **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**Điều 21.** Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

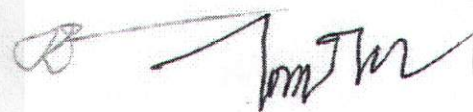
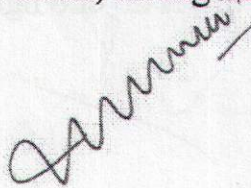
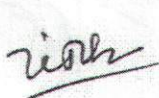
2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ Công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 22.** Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.





Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a) Báo cáo tài chính hằng năm;
- b) Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công ty;
- c) Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

d) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

đ) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Điều lệ này;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

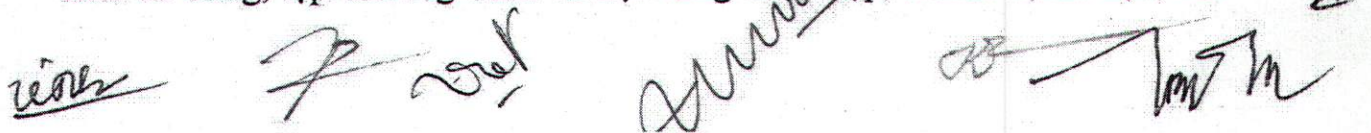
5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Điều lệ này đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

7. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác





định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật doanh nghiệp.

8. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy tại các khoản 4, 5 và 6 của Điều này do Công ty hoàn trả.

9. Danh sách cổ đông có quyền dự họp; chương trình và nội dung họp; trình tự mời họp; điều kiện tiến hành họp; thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

**Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- b) Thông qua định hướng phát triển Công ty;
- c) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

- e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;

b) Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;

c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục

*(Handwritten signatures and marks at the bottom of the page)*



triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

5. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 105 Luật doanh nghiệp.

6. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

#### **Điều 24. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

g) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

h) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

i) Các quyết định đã được thông qua;

k) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Việc yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 107 của Luật doanh nghiệp.

*trên*

*set*

*trên*

*trên*

*trên*



## MỤC II HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### **Điều 25. Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 của Điều lệ này;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư theo thẩm quyền;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 120 của Luật doanh nghiệp;

h) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;

i) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật;

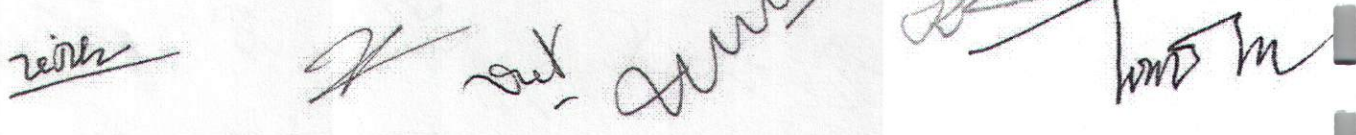
l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

m) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;

p) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.





3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

#### **Điều 26. Thành viên Hội đồng quản trị**

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:

a) Hội đồng quản trị Công ty có 07 thành viên thường trú ở Việt Nam. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;

b) Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc;

c) Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

a) Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp; là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ. Những người liên quan quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật doanh nghiệp.

4. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 110 của Luật này;

b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn xin từ chức;

d) Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

*viết*

*viết*

*viết*

*viết*



Ngoài các trường hợp quy định trên, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó giám đốc hoặc Phó tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.

Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

7. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao và lợi ích khác theo quy định của Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 27. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

#### **Điều 28. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó.

Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì

*viện*

*Ph*

*sal*

*am*

*co*

*mm*



các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác theo quy định của pháp luật.

3. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất năm ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp.

Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

*(Handwritten signatures and initials at the bottom of the page)*



9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

10. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung theo quy định tại Điều 113 của Luật doanh nghiệp.

### MỤC III BAN KIỂM SOÁT

**Điều 29.** Ban kiểm soát là cơ quan giúp Đại hội đồng cổ đông kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, chính xác, trung thực trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; trong ghi chép sổ kế toán, báo cáo tài chính; việc chấp hành Điều lệ Công ty, Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 30.** Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Điều lệ này.

5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

*(Handwritten signatures and marks at the bottom of the page)*



7. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty quy định tại Điều 119 của Luật doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

8. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật.

9. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

10. Ban kiểm soát có quyền được cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 124 của Luật doanh nghiệp.

### **Điều 31. Thành viên Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên; nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát. Quyền và nhiệm vụ của Trưởng ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác.

Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

3. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty;

*reinh*

*soal*

*RD*



c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

đ) Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c và d của Khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ đều thuộc sở hữu của Công ty.

Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 2 của Điều này;

b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn xin từ chức.

d) Ngoài các trường hợp quy định tại điểm a, b và c Khoản này, thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

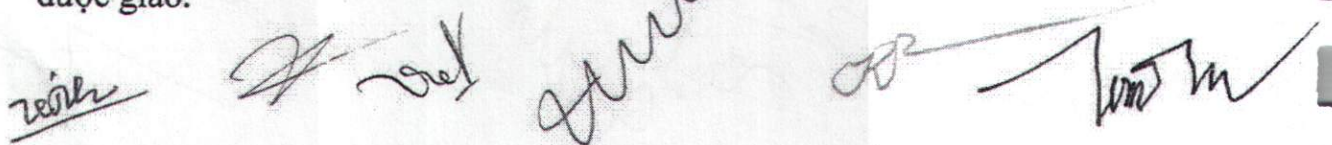
5. Thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao và lợi ích khác theo quy định của Đại hội đồng cổ đông.

#### MỤC IV BAN GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

**Điều 32.** Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc

1. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật do Hội đồng quản trị Công ty quyết định bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng, miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật và mức lương.

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.





2. Tổng giám đốc Công ty có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- e) Quyết định lương và phụ cấp đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

4. Phó Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị Công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và mức lương theo đề nghị của Tổng giám đốc.

Phó Tổng giám đốc giúp việc Tổng giám đốc điều hành Công ty theo sự phân công của Tổng giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

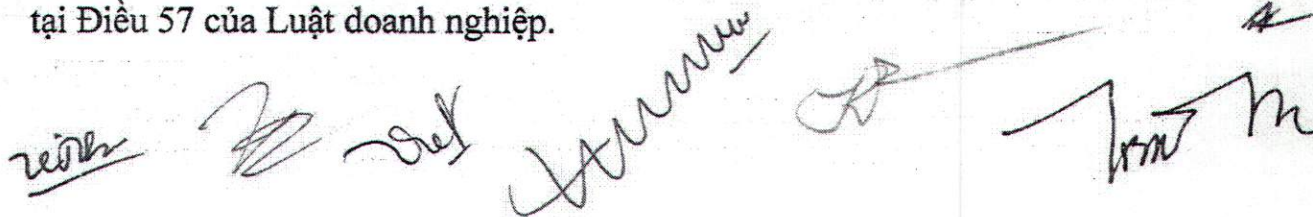
5. Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị Công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và mức lương theo đề nghị của Tổng giám đốc.

Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác tài chính kế toán của Công ty; giúp Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc giám sát, quản lý tài chính tại Công ty theo pháp luật tài chính kế toán; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

6. Phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ của Công ty có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành công việc hàng ngày của Công ty.

### **Điều 33. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc**

1. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc áp dụng theo quy định tại Điều 57 của Luật doanh nghiệp.





2. Tổng giám đốc Công ty không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc Công ty không quá năm năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc thay thế Tổng giám đốc theo quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

#### **Chương IV** **TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY**

##### **Điều 34. Hạch toán**

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty được chính thức thành lập, có tư cách pháp nhân theo quy định của Luật doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

2. Công ty thực hiện việc hạch toán kế toán theo quy định của pháp luật kế toán, thống kê.

3. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu về tài chính. Các báo cáo và tài liệu về tài chính phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất ba mươi ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp pháp luật yêu cầu phải kiểm toán thì báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

4. Báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

5. Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được thông báo đến tất cả cổ đông.

##### **Điều 35. Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ**

1. Lợi nhuận của Công ty bao gồm lợi nhuận kinh doanh và các lợi nhuận hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty lập và sử dụng các quỹ tập trung để đảm bảo cho quá trình đổi mới, phát triển cơ sở vật chất, công nghệ, tăng năng lực sản xuất, kinh doanh và vào các mục đích khác theo quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.

##### **Điều 36. Xử lý khi kinh doanh thua lỗ**

Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông quyết định giải quyết kịp thời theo các giải pháp sau:

1. Trích từ quỹ dự trữ để bù lỗ.

2. Chuyển một phần lỗ sang năm sau, nhưng phải có phương án để khắc phục.

*(Handwritten signatures and marks at the bottom of the page)*



3. Các giải pháp khác theo quy định của pháp luật.

## **Chương V** **CÁC MỐI QUAN HỆ CỦA CÔNG TY**

**Điều 37.** Quan hệ giữa Công ty với cơ quan nhà nước và chính quyền địa phương

Công ty cổ phần Đầu tư phát triển khu kinh tế Hải Hà chịu sự quản lý nhà nước của các cơ quan nhà nước và chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật.

## **Chương VI** **GIẢI THỂ, THANH LÝ, TRANH CHẤP**

**Điều 38.** Công ty cổ phần Đầu tư phát triển khu kinh tế Hải Hà giải thể trong các trường hợp sau đây:

1. Trường hợp Công ty bị lỗ đến 70% vốn điều lệ, mọi cổ đông đều có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để quyết định việc giải thể Công ty.
2. Khi có lý do chính đáng, Hội đồng quản trị có quyền đề nghị để Đại hội đồng cổ đông bất thường quyết định giải thể Công ty.
3. Quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
4. Khi hết hạn hoạt động mà Đại hội đồng cổ đông không quyết định gia hạn.

**Điều 39.** Thanh lý

1. Khi có quyết định giải thể Công ty, Đại hội đồng cổ đông thành lập Hội đồng thanh lý thay thế Hội đồng quản trị để cùng Ban kiểm soát làm nhiệm vụ thanh lý Công ty theo thời gian quy định và theo pháp luật tài chính về thanh lý Công ty.
2. Trong thời gian thanh lý, Hội đồng thanh lý và Ban kiểm soát có quyền đề nghị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết.

**Điều 40.** Tranh chấp

Tổng giám đốc là người đại diện của Công ty trước pháp luật:

1. Giải quyết các vấn đề tranh chấp theo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện pháp luật trong mọi giai đoạn tranh tụng.

## **Chương VII** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 41.** Điều lệ này áp dụng trong Công ty cổ phần Đầu tư phát triển khu kinh tế Hải Hà, các cá nhân, đơn vị trong toàn Công ty chịu trách nhiệm thi hành Điều lệ này.

Trong quá trình thực hiện, nếu cần bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

*(Handwritten signatures and initials)*



Bản Điều lệ này gồm 8 Chương, 41 Điều, đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Đầu tư phát triển khu kinh tế Hải Hà thông qua và chấp nhận toàn bộ vào ngày ..9.... tháng 3 năm 2007

Điều lệ được lập thành 10 bản có giá trị như nhau, trong đó:

- 01 đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh.
- 07 bản các cổ đông sáng lập giữ.
- 02 bản lưu tại Văn phòng Công ty.

Các bản sao, trích Điều lệ phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới có giá trị pháp lý.

Hà Nội, ngày                      tháng 3 năm 2007

Các thành viên ký tên

Cổ đông sáng lập viên thứ nhất



Phạm Thanh Bình

Cổ đông sáng lập viên thứ hai



Đoàn Văn Kiển

Cổ đông sáng lập viên thứ ba



Trần Bắc Hà

Cổ đông sáng lập viên thứ tư



Đinh La Thăng

Cổ đông sáng lập viên thứ năm



Nguyễn Bá Thước

Cổ đông sáng lập viên thứ sáu



Lê Văn Quế



Cổ đông sáng lập viên thứ bảy



Đoàn Quốc Việt